

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch tuyển sinh lớp 6 trung học cơ sở
và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2018 - 2019.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) được bổ sung tại Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ GDĐT;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 17/TT-
SGDDT ngày 19/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh lớp 6 trung học cơ sở và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2018-2019, với những nội dung sau:

I. TUYỂN SINH LỚP 6 THCS

1. Đối tượng tuyển sinh: Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học, đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển.

Riêng các trường THCS Lương Thế Vinh - Thành phố Thái Bình, THCS Phạm Huy Quang - Đông Hưng, THCS Nguyễn Đức Cảnh - Thái Thụy, THCS Lê Quý Đôn - Kiến Xương và THCS 14/10 - Tiền Hải thực hiện phương thức kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.

3. Hồ sơ tuyển sinh: Bản sao giấy khai sinh hợp lệ; học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.

4. Phòng giáo dục và đào tạo lập kế hoạch tuyển sinh trình UBND huyện, thành phố phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra công tác tuyển sinh của các trường THCS; thực hiện thống kê, báo cáo UBND huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo.

II. TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

1. Phương thức

a) Các trường THPT công lập: Áp dụng phương thức thi tuyển.

b) Các trường THPT ngoài công lập: Áp dụng phương thức xét tuyển.

2. Đối tượng

Người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên, khuyến khích

3.1. Tuyển thẳng vào THPT các đối tượng sau đây:

- a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;
- b) Học sinh là người dân tộc rất ít người;
- c) Học sinh khuyết tật;
- d) Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

3.2. Chế độ ưu tiên:

- a) Cộng 3 điểm cho một trong các đối tượng:
 - Con liệt sĩ;
 - Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
 - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
 - Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
 - Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
 - Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- b) Cộng 2,5 điểm cho một trong các đối tượng sau:
 - Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
 - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.
- c) Cộng 2,0 điểm cho đối tượng sau:
 - Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
 - Người dân tộc thiểu số;
 - Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3.3. Chế độ khuyến khích:

Học sinh được cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức ở cấp THCS:

- Loại giỏi: Cộng 1,5 điểm;



- Loại khá: Cộng 1,0 điểm;
- Loại trung bình: Cộng 0,5 điểm.

4. Công tác tổ chức thi tuyển sinh

4.1. Môn thi:

a) Thi viết ba môn: Toán, Ngữ văn và môn thứ ba; thời gian làm bài các môn Toán, Ngữ văn là 120 phút, môn thứ ba là 60 phút.

b) Môn thứ ba được chọn ngẫu nhiên trong số những môn học còn lại, phù hợp cho các đối tượng tuyển sinh và công bố sớm nhất vào ngày 10/5/2018.

4.2. Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

a) Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, được chấm theo thang điểm 10, lấy đến 0,25 điểm, không quy tròn điểm; điểm xét tuyển là tổng điểm ba bài thi đã tính hệ số và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích. Thí sinh trúng tuyển phải không có bài thi nào bị điểm từ 1,0 trở xuống.

b) Hệ số điểm bài thi: Môn Toán, môn Ngữ văn hệ số 2; môn thứ ba hệ số 1.

5. Ngày thi: 08/6/2018.

6. Chỉ tiêu tuyển sinh: (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh lớp 6 trung học cơ sở và lớp 10 trung học phổ thông đảm bảo an toàn, đúng quy chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Thái Bình, Đài PTTH Thái Bình;
- Lưu VT, KGVX, TH. /s/

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Linh
* Nguyễn Thị Linh



Phụ lục

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh)

Số TT	Trường THPT	Số lớp	Tổng số học sinh	Ghi chú
1	Hưng Nhân	13	585	45 hs/lớp
2	Bắc Duyên Hà	13	585	45 hs/lớp
3	Nam Duyên Hà	10	450	45 hs/lớp
4	Đông Hưng Hà	12	540	45 hs/lớp
5	Quỳnh Côi	14	630	45 hs/lớp
6	Quỳnh Thọ	14	630	45 hs/lớp
7	Phụ Dực	14	630	45 hs/lớp
8	Nam Đông Quan	11	495	45 hs/lớp
9	Bắc Đông Quan	14	630	45 hs/lớp
10	Tiên Hưng	12	540	45 hs/lớp
11	Mê Linh	9	405	45 hs/lớp
12	Đông Thụy Anh	14	630	45 hs/lớp
13	Tây Thụy Anh	13	585	45 hs/lớp
14	Thái Ninh	10	450	45 hs/lớp
15	Thái Phúc	10	450	45 hs/lớp
16	Đông Tiên Hải	10	450	45 hs/lớp
17	Tây Tiên Hải	14	630	45 hs/lớp
18	Nam Tiên Hải	15	675	45 hs/lớp
19	Bắc Kiến Xương	12	540	45 hs/lớp
20	Nguyễn Du	12	540	45 hs/lớp
21	Bình Thanh	9	405	45 hs/lớp
22	Chu Văn An	11	495	45 hs/lớp
23	Nguyễn Trãi	14	630	45 hs/lớp
24	Vũ Tiên	12	540	45 hs/lớp
25	Phạm Quang Thâm	7	315	45 hs/lớp
26	Lý Bôn	13	585	45 hs/lớp
27	Lê Quý Đôn	14	630	45 hs/lớp
28	Nguyễn Đức Cảnh	14	630	45 hs/lớp
29	Chuyên Thái Bình	13	475	Lớp chuyên: 35 hs/lớp, không chuyên 45 hs/lớp
	Tổng cộng	353	15.775	